

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THỊ XÃ HỒNG LĨNH  
TỈNH HÀ TĨNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2022/DS - ST  
Ngày 05/04/2022  
V/v Tranh chấp thừa kế tài sản

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ HỒNG LĨNH, TỈNH HÀ TĨNH**

**- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Phạm Đức Quang;

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Bùi Xuân Cần và bà Lê Thị Thu Hiền

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Phú Quý, Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Hồng Lĩnh, tỉnh Hà Tĩnh.

**- Đại diện VKSND thị xã Hồng Lĩnh tham gia phiên tòa:** Bà Trần Thị Lan, Kiểm sát viên.

Ngày 05/04/2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Hồng Lĩnh, tỉnh Hà Tĩnh, mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 06/2021/TLST- DS, ngày 10/08/2021 về việc “*Tranh chấp di sản thừa kế*”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2022/QĐXX-ST, ngày 09 tháng 02 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2022/QĐST-DS, ngày 08 tháng 3 năm 2022 giữa các đương sự:

**1. Đồng Nguyên đơn:**

- Bà Trần Thị M, sinh năm 1966, trú tại: Tổ dân phố 8, phường N, thị xã Hồng Lĩnh, tỉnh Hà Tĩnh. Có mặt.

- Bà Trần Thị H, sinh năm 1973, trú tại: Tổ dân phố 6, phường N, thị xã Hồng Lĩnh, tỉnh Hà Tĩnh. Có mặt.

- Ông Trần Văn H, sinh năm 1976, trú tại: Tổ dân phố 6, phường N, thị xã Hồng Lĩnh, tỉnh Hà Tĩnh. Có mặt.

- Bà Trần Thị V, sinh năm 1983, trú tại: Tổ dân phố 7, phường N, thị xã Hồng Lĩnh, tỉnh Hà Tĩnh Ủy quyền cho chị Trần Thị Thanh Hg, sinh năm 1989, trú tại: Tổ dân phố 7, phường N, thị xã Hồng Lĩnh, tỉnh Hà Tĩnh theo giấy ủy quyền ngày 02 tháng 10 năm 2021. Có mặt.

- Bà Trần Thị Thanh H, sinh năm 1989, trú tại: Tổ dân phố 7, phường N, thị xã Hồng Lĩnh, tỉnh Hà Tĩnh. Có mặt.

**2. Bị đơn:**

Ông Trần Ngọc S, sinh năm 1969, trú tại: Tổ dân phố 7, phường N, thị xã Hồng Lĩnh, tỉnh Hà Tĩnh (đã chết vào ngày 17 tháng 11 năm 2021).

- Người kế thừa quyền và nghĩa vụ của ông Trần Ngọc S:
- + Bà Trần Thị S, sinh năm 1972; trú tại: Tổ dân phố 7, phường N, thị xã Hồng Lĩnh, tỉnh Hà Tĩnh. Vắng mặt.
- + Anh Trần Quốc D, sinh năm 1995; trú tại: Tổ dân phố 7, phường N, thị xã Hồng Lĩnh, tỉnh Hà Tĩnh. Vắng mặt.
- + Anh Trần Hồng Q, sinh năm 1999; trú tại: Tổ dân phố 7, phường N, thị xã Hồng Lĩnh, tỉnh Hà Tĩnh. Vắng mặt.
- + Anh Trần Huy H, sinh năm 2001; trú tại: Tổ dân phố 7, phường N, thị xã Hồng Lĩnh, tỉnh Hà Tĩnh. Vắng mặt.
- + Chị Trần Thị Hà G, sinh năm 2001; trú tại: Tổ dân phố 7, phường N, thị xã Hồng Lĩnh, tỉnh Hà Tĩnh. Vắng mặt.

### 3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

Ông Lê Quang Đ, sinh năm 1957; ông Nguyễn P, sinh năm 1952; chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1972; anh Nguyễn Xuân T, sinh năm 1975; chị Nguyễn Thị T, sinh 1997; chị Nguyễn Thị N, sinh năm 1981, anh Nguyễn Xuân T, sinh năm 1984; anh Nguyễn Xuân T, sinh năm 1986. Đều trú tại: Tổ dân phố 7, phường N, thị xã Hồng Lĩnh, tỉnh Hà Tĩnh. (đã có văn bản từ chối nhận di sản thừa kế và không tham gia tố tụng được UBND Phường N chứng thực ngày 31 tháng 12 năm 2021). Vắng mặt.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN**

*\* Theo đơn khởi kiện ngày 02/02/2021, các lời khai cũng như biên bản lấy lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa sơ thẩm các đồng nguyên đơn trình bày:*

Bố chúng tôi là cụ Trần Văn Q, sinh năm 1945 chết năm 2018, mẹ là cụ Lê Thị L, sinh năm 1945 chết năm 1991 và sinh được 6 người con gồm: bà Trần Thị M, sinh năm 1966; ông Trần Ngọc S, sinh năm 1969; bà Trần Thị H, sinh năm 1973; ông Trần Văn H, sinh năm 1976; bà Trần Thị V, sinh năm 1983; bà Trần Thị Thanh H, sinh năm 1989. Khi còn sống bố mẹ tôi tạo lập được một ngôi nhà cấp 4 nằm trên diện tích đất khoảng 660 m<sup>2</sup> ở tại tổ dân phố 7, phường N, thị xã Hồng Lĩnh, tỉnh Hà Tĩnh. Đến năm 2016 ngôi nhà cấp 4 mà bố, mẹ chúng tôi tạo dựng nên đã bị xuống cấp nên bố tôi được nhà nước hỗ trợ 50. 000.000 đồng cho hộ nghèo nên bố chúng tôi đã làm ngôi nhà cấp 4 hiện nay đang ở trên thửa đất trên. (làm sau khi mẹ chúng tôi chết). Sau khi mẹ chúng tôi chết bố chúng tôi là cụ Trần Văn Q đã tặng cho hai con Trần Ngọc S, Trần Văn H mỗi người khoảng 180m<sup>2</sup> và ông H, ông S đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Khi bố tôi cho ông H và ông S đất chúng tôi đều nhất trí và không có tranh chấp gì.

Sau khi bố tôi cho ông H và ông S đất thì tài sản của bố, mẹ chúng tôi để lại chỉ còn một ngôi nhà cấp 4 nằm trên thửa đất có diện tích 333,4m<sup>2</sup> ở tại tổ dân phố 7, phường N, thị xã Hồng Lĩnh, tỉnh Hà Tĩnh, đất đã được cấp giấy CNQSD đất số CI 522761 ngày 20 tháng 4 năm 2017 có diện tích 333,4 m<sup>2</sup> và ông S sử dụng nhà để bỏ các đồ đạc cá nhân. Qua một vài lần họp gia đình chúng tôi yêu cầu ông Trần Ngọc S chia phần di sản của bố mẹ để lại là ngôi nhà cấp 4 và thửa đất 333,4m<sup>2</sup> đất trên nhưng ông S không đồng ý. Nay chúng tôi đề nghị Tòa án chia di sản thừa kế trên cho 6 anh em

chúng tôi. Phần của 5 anh em chúng tôi gồm Trần Thị M, Trần Thị H, Trần Văn H, Trần Thị V, Trần Thị Thanh H thì đề nghị Toà án giao cho chúng tôi quản lý sử dụng chung.

Bị đơn anh Trần Ngọc S đã được Toà án tổng đạt thông báo thụ lý vụ án và các thông báo về phiên họp kiểm tra, giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hoà giải hợp lệ nhiều lần nhưng anh S không đến Toà án để làm việc và Toà án đã lập các biên bản không công khai chứng cứ và hoà giải được để lưu vào hồ sơ làm căn cứ giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Tuy nhiên trong quá trình giải quyết vụ án đến ngày 17 tháng 11 năm 2021 ông Trần Ngọc S chết. Toà án đã tiến hành xác minh tại Công an phường N đã xác định được những người thừa kế quyền và nghĩa vụ của ông Trần Ngọc S có 5 người gồm: Bà Trần Thị S (vợ ông S), anh Trần Quốc D, anh Trần Hồng Q, anh Trần Huy H, chị Trần Thị Hà G (con ông S). Hiện nay những người này đều cư trú ở tại tổ dân phố 7, phường N, thị xã Hồng Lĩnh, tỉnh Hà Tĩnh và cũng không có ai xin tạm vắng và cắt chuyển hộ khẩu đi đâu. Toà án nhân dân thị xã Hồng Lĩnh đã tổng đạt giấy triệu tập và hai lần tổng đạt thông báo về phiên họp kiểm tra giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hoà giải cho bà Trần Thị S, anh Trần Quốc D, anh Trần Hồng Q, anh Trần Huy H, chị Trần Thị Hà G và xác định được những người này có mặt ở địa phương nhưng không nhận các văn bản tố tụng của Toà án. Toà án đã tiến hành lập biên bản không tổng đạt được và tiến hành niêm yết công khai tại tổ dân phố và UBND Phường N, thị xã Hồng Lĩnh nhưng những người này không đến Toà án làm việc là thể hiện sự trốn tránh, gây khó khăn cho việc giải quyết vụ án và Toà án đã lập biên bản không công khai chứng cứ và hoà giải được lưu vào hồ sơ vụ án để giải quyết theo quy định của pháp luật.

*\* Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án:* Ông Lê Quang Đ, ông Nguyễn P, chị Nguyễn Thị T, anh Nguyễn Xuân T, chị Nguyễn Thị T, chị Nguyễn Thị N, anh Nguyễn Xuân T, anh Nguyễn Xuân T đã được Toà án nhân dân thị xã Hồng Lĩnh tổng đạt thông báo về việc những người này là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án để tham gia tố tụng nhằm bảo vệ quyền lợi ích pháp của mình. Ngày 31/12/2021 ông Lê Quang Đ, ông Nguyễn P, chị Nguyễn Thị T, anh Nguyễn Xuân T, chị Nguyễn Thị T, chị Nguyễn Thị N, anh Nguyễn Xuân T, anh Nguyễn Xuân T đã có văn bản từ chối nhận di sản thừa kế và tham gia tố tụng được chứng thực tại UBND phường N nộp cho Toà án để làm căn cứ giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật

*\* Kết quả thu thập tài liệu lưu chứng cứ tại UBND phường Nam H và văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất chi nhánh C - Hồng Lĩnh xác định được:*

Thửa đất của cụ Trần Văn Q có nguồn gốc là do UBND xã Thuận L, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh cấp cho vợ chồng cụ Trần Văn Q và cụ Lê Thị L theo diện quy hoạch di dời dân năm 1979 có diện tích 660m<sup>2</sup>. Năm 1991 cụ Lê Thị L chết. Đến năm 2004 cụ Trần Văn Q làm đơn xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (Giấy CNQSD đất) và đã được UBND thị xã Hồng Lĩnh cấp giấy CNQSD đất số Đ 526995, ngày 30/9/2004 với diện tích 660m<sup>2</sup>. Ngày 18 tháng 10 năm 2004 cụ Trần Văn Q đã lập biên bản thoả thuận chuyển nhượng một phần thửa đất có diện tích 180m<sup>2</sup> cho con trai là ông Trần Ngọc S theo hình thức cha cho con và ông S đã được cấp giấy CNQSD đất số AB 236044 với diện tích 180m<sup>2</sup>. Ngày 29 tháng 3 năm 2017 cụ Trần Văn Q và 6 người con gồm Trần Thị M, Trần Ngọc S, Trần Thị H, Trần Văn H, Trần Thị V, Trần Thị Thanh H

đã cùng nhau lập văn bản phân chia di sản của cụ Trần Thị L là thửa đất được cấp vào năm 1979 trên và chia cho anh Trần Văn H 181m<sup>2</sup> đất và anh Huê đã được cấp giấy CNQSD đất số CI 522672, ngày 20 tháng 4 năm 2017 có diện tích 181m<sup>2</sup>. Phần đất còn lại đã được cấp giấy CNQSD đất số CI 522761, ngày 20 tháng 4 năm 2017 có diện tích 333,4 m<sup>2</sup>, trong đó đất ở 299m<sup>2</sup>, đất trồng cây lâu năm 34,5m<sup>2</sup> mang tên cụ Trần Văn Q.

*\* Về kết quả xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản:*

Tại biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 28 tháng 12 năm 2021 thửa đất mang tên cụ Trần Văn Q thuộc thửa đất số 134, tờ bản đồ 47 ở tổ dân phố 7, Phường N, thị xã Hồng Lĩnh có diện tích 333,4m<sup>2</sup> đất, có tứ cận: Phía Nam giáp đường Nguyễn Thiếp dài 10,5m; phía Bắc giáp đường nhựa dài 11,42m; phía Đông giáp đất anh T, chi T dài 30,34m; phía Tây giáp đất ông Trần Ngọc S dài 30,8m. Trên thửa đất có 01 ngôi nhà cấp 4 có diện tích 29,4m<sup>2</sup>, được xây bằng gạch táp lô, mái lợp ngói đỏ, có gia trát, không quét sơn và có nhà bếp liền kề nhà chính, xây gạch táp lô, có diện tích 6, 6m<sup>2</sup>.

Tại biên bản định giá ngày 21 tháng 01 năm 2022 thửa đất số 134, tờ bản đồ 47 ở tổ dân phố 7, Phường N, thị xã Hồng Lĩnh có diện tích 333,4m<sup>2</sup> đất, trong đó đất ở 299m<sup>2</sup>, đất vườn trồng cây lâu năm 34,5m<sup>2</sup> có giá trị 1.048.618.3000 đồng, trong đó đất ở 299m<sup>2</sup> trị giá 1.046.500.000 đồng, đất vườn trồng cây lâu năm 34,5m<sup>2</sup> có giá trị 2.118.300 đồng. Ngôi nhà cấp 4 và nhà bếp liền kề có giá trị 40.000.000 đồng.

*\* Về công sức quản lý, tôn tạo di sản.*

Toà án đã tiến hành lập biên bản xác minh tại UBND Phường N, thị xã Hồng Lĩnh vào ngày 08 tháng 02 năm 2002 đã xác định được: Sau khi cụ Trần Văn Q chết vào năm 2018 cho đến nay thì 6 người con của cụ Trần Văn Q và cụ Trần Thị L không có ai là người trực tiếp quản lý và ở trên thửa đất mà 6 người con của cụ Q, cụ Linh thỉnh thoảng đi qua, về lại hương khói cho bố mẹ và thửa đất vẫn nguyên trạng như lúc cụ Q chưa chết, không có ai có công sức đóng góp tôn tạo gì thêm. Từ khi cụ Quý chết vào năm 2018 cho đến khi toà án thụ lý giải quyết vụ án đến ngày 31 tháng 12 năm 2021, con của cụ Q là bà Trần Thị Thanh H mới đi nộp thuế nhà đất với số tiền 1.248.000 đồng và tại phiên Toà bà Hường cũng không có yêu cầu gì về số tiền nộp thuế nhà đất này.

*\* Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa:*

- Về tố tụng: Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến phiên tòa hôm nay, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của mình theo đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

+ Tòa án xác định đúng thẩm quyền, quan hệ pháp luật tranh chấp và tư cách pháp lý của người tham gia tố tụng trong vụ án; việc thu thập tài liệu chứng cứ và thực hiện các quy trình tố tụng đảm bảo đúng quy định pháp luật;

+ Đồng nguyên đơn đã tham gia đầy đủ các buổi làm việc theo triệu tập của Tòa án hoặc có văn bản ủy quyền tham gia tố tụng theo đúng quy định pháp luật.

+ Bị đơn ông Trần Ngọc S lúc còn sống và cũng như những người kế thừa quyền và nghĩa vụ của ông Trần Ngọc S sau khi ông S chết đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng hợp lệ nhưng không đến Tòa án làm việc, không tham gia phiên tòa là thể

hiện sự trốn tránh, gây khó khăn cho việc giải quyết vụ án đã vi phạm các Điều 209, 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án đã có văn bản tự chối nhận di sản thừa kế, từ chối tham gia tố tụng có chứng thực tại UBND Phường N là đúng quy định của pháp luật.

- *Về nội dung*: Qua nghiên cứu hồ sơ cũng như kết quả tranh tụng tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử:

+ Xác định những người được quyền hưởng thừa kế của cụ Trần Văn Q và cụ Trần Thị L gồm có: bà Trần Thị H, ông Trần Văn H, bà Trần Thị V, bà Trần Thị Thanh H và vợ và các con của ông Trần Ngọc S là bà Trần Thị S (vợ ông S), anh Trần Quốc D, anh Trần Hồng Q, anh Trần Huy H, chị Trần Thị Hà G (con ông S) được hưởng phần của ông S.

+ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của các đồng nguyên đơn bà Trần Thị H, Trần Thị V, Trần Thị Thanh H và ông Trần Văn H về việc yêu cầu bị đơn ông Trần Ngọc S chia di sản thừa kế của cụ Trần Văn Q và Trần Thị L và chấp nhận sự thỏa thuận của đồng nguyên đơn về việc xin sở hữu, quản lý, sử dụng chung di sản thừa kế của cụ Q, cụ L.

+ Đình chỉ yêu cầu của bà Trần Thị M là đồng nguyên đơn về việc yêu cầu chia di sản thừa kế của cụ Trần Văn Q và cụ Trần Thị L

- *Về án phí*: Buộc các đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

[1] *Về quan hệ pháp luật tranh chấp và trình tự tố tụng*: Các đồng nguyên đơn khởi kiện yêu cầu chia di sản thừa kế bố mẹ để lại. Bị đơn ông Trần Ngọc S cư trú tại Phường N, thị xã Hồng Lĩnh, tỉnh Hà Tĩnh. Đây là quan hệ pháp luật về “*Tranh chấp thừa kế tài sản*” theo quy định tại khoản 5 Điều 26, điểm a, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thị xã Hồng Lĩnh, tỉnh Hà Tĩnh thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền.

Trong quá trình thụ lý và giải quyết vụ án Toà án đã tổng đạt thông báo thụ lý vụ án và các thông báo về phiên họp kiểm tra, giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hoà giải hợp lệ nhiều lần nhưng ông Trần Ngọc S lúc còn sống cũng như những người kế thừa quyền và nghĩa vụ của ông Trần Ngọc S sau khi ông S chết là bà Trần Thị S (vợ ông S), anh Trần Quốc D, anh Trần Hồng Q, anh Trần Huy H, chị Trần Thị Hà G (con ông S) nhưng những người này không đến Toà làm việc là thể hiện sự trốn tránh gây khó khăn cho việc giải quyết vụ án. Đến ngày 07/12/2021 xét thấy vụ án có tính chất phức tạp cần gia hạn thời hạn xét xử nên Tòa án nhân dân thị xã Hồng Lĩnh đã ra quyết định gia hạn thời hạn xét xử vụ án với thời hạn hai tháng. Ngày 08/3/2022, Tòa án nhân dân thị xã Hồng Lĩnh đã mở phiên tòa xét xử vụ án theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2022/QĐXX - DS, ngày 09/02/2022 nhưng tại phiên Toà những người kế thừa quyền và nghĩa vụ của ông Trần Ngọc S vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử hoãn phiên tòa. Tại phiên Toà lần thứ hai hôm nay những người kế thừa quyền và nghĩa vụ của ông Trần Ngọc S tiếp tục vắng mặt không có lý do nên Toà án xét xử vắng mặt những người này theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] *Về thời hiệu khởi kiện yêu cầu chia thừa kế*: Cụ Trần Thị L chết ngày 10 tháng 2 năm 1991 và cụ Trần Văn Q chết vào ngày 29 tháng 10 năm 2018 và không để lại di chúc về việc định đoạt di sản thừa kế. Từ thời điểm cụ L, cụ Q chết cho đến ngày các đồng nguyên đơn khởi kiện yêu cầu chia thừa kế và Toà án nhận đơn vào ngày 04 tháng 02 năm 2021 nên căn cứ quy định tại Điều 623 Bộ luật dân sự năm 2015 thì yêu cầu khởi kiện của các đồng nguyên đơn vẫn trong thời hiệu khởi kiện theo pháp luật quy định.

[3] *Về xác định di sản thừa kế*: Về nguồn gốc thửa đất tranh chấp di sản thừa kế thì các đồng nguyên đơn đều khẳng định là do vợ chồng cụ Trần Thị L và cụ Trần Văn Q để lại gồm có ngôi nhà cấp 4 nằm trên diện tích đất 333,4m<sup>2</sup> ở tại tổ dân phố 7 Phường N, thị xã Hồng Lĩnh, tỉnh Hà Tĩnh đã được cấp giấy CNQSD đất số CI 522671 vào ngày 20 tháng 4 năm 2017. Theo các tài liệu chứng cứ Toà án thu thập được thì thửa đất này có nguồn gốc do UBND xã Thuận Lộc, huyện Can Lộc cấp cho cụ Trần Văn Q và cụ Trần Thị L vào năm 1979 có diện tích 660m<sup>2</sup> đất, Sau khi cụ L chết cụ Q mới làm hồ sơ xin cấp giấy CNQSD đất và đã được UBND thị xã Hồng Lĩnh cấp giấy CNQSD đất số Đ 526995, ngày 30/9/2004 với diện tích 660m<sup>2</sup> đất. Ngày 18 tháng 10 năm 2004 cụ Trần Văn Q đã lập biên bản thỏa thuận chuyển nhượng một phần thửa đất có diện tích 180m<sup>2</sup> cho con trai là ông Trần Ngọc S theo hình thức cha cho con và ông S đã được cấp giấy CNQSD đất số AB 236044 với diện tích 180m<sup>2</sup>. Ngày 29 tháng 3 năm 2017 cụ Trần Văn Q và 6 người con gồm Trần Thị M, Trần Ngọc S, Trần Thị H, Trần Văn H, Trần Thị V, Trần Thị Thanh H đã cùng nhau lập văn bản phân chia di sản của cụ Trần Thị L là thửa đất được cấp vào năm 1979 trên và chia cho ông Trần Văn H 181m<sup>2</sup> đất và ông H đã được cấp giấy CNQSD đất số CI 522672, ngày 20 tháng 4 năm 2017 có diện tích 181m<sup>2</sup>. Phần còn lại đã được cấp giấy CNQSD đất số CI 522761, ngày 20 tháng 4 năm 2017 có diện tích 333,4 m<sup>2</sup>, trong đó đất ở 299m<sup>2</sup>, đất vườn trồng cây lâu năm 34,5m<sup>2</sup> mang tên cụ Trần Văn Q. Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên Toà hôm nay các đồng nguyên đơn khẳng định các đồng nguyên đơn, cũng như ông Trần Ngọc S khi còn sống không có tranh chấp, hay khiếu nại gì về phần đất mà cụ Q, cũng như các con của cụ Q, cụ L đã chuyển nhượng cho ông S, ông H.

Ngôi nhà cấp 4 nằm trên thửa đất trên là do cụ Trần Văn Q làm vào năm 2016 bằng số tiền nhà nước hỗ trợ hộ nghèo cho cụ Quý và đã được UBND Phường N xác nhận vào ngày 25 tháng 3 năm 2022.

[4] *Về diện và hàng thừa kế*:

Xét thời điểm mở thừa kế vào năm 1991 khi bà Trần Thị L chết thì di sản thừa kế là ngôi nhà cấp bốn (nhà cũ) nằm trên diện tích đất 660m<sup>2</sup> sẽ được chia như sau: Do đó là tài sản chung của vợ chồng nên cụ Q, cụ L nên mỗi người hưởng ½ tài sản trên. Còn ½ tài sản của cụ L được chia cho hàng thừa kế thứ nhất gồm có ông Trần Văn Q; các con của cụ L, cụ Q gồm Trần Thị M, Trần Ngọc S, Trần Thị H, Trần Văn H, Trần Thị V, Trần Thị Thanh H và cụ Nguyễn Thị L (mẹ cụ L). Năm 2002 cụ Nguyễn Thị L chết thì phần di sản của cụ L được hưởng của con là cụ L được thừa kế chuyển tiếp cho ông Trần Quang Đ và bà Lê Thị L (các con của bà L). Năm 2014 bà Lê Thị L chết thì phần của bà L được hưởng của mẹ là cụ L được thừa kế chuyển tiếp cho chồng bà L là ông Trần P và các con của bà Liêu là chị Nguyễn Thị T, anh Nguyễn Xuân T, chị Nguyễn Thị T, chị Nguyễn Thị N, anh Nguyễn Xuân T, anh Nguyễn Xuân T. Toà án nhân dân thị xã Hồng Lĩnh đã ra thông báo cho người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan biết về việc toà án thụ lý vụ án để họ thực hiện các quyền và nghĩa vụ theo quy định của

pháp luật. Ngày 31/12/2021 ông Trần Quang Đ, ông Trần P, chị Nguyễn Thị T, anh Nguyễn Xuân T, chị Nguyễn Thị T, chị Nguyễn Thị N, anh Nguyễn Xuân T, anh Nguyễn Xuân T đã có văn bản tự chối nhận di sản thừa kế và tham gia tố tụng được chứng thực tại UBND Phường N, thị xã Hồng Lĩnh nộp cho Toà án để làm căn cứ giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật. Vì vậy, Toà án không xem xét đến diện thừa kế của những người này nhưng cũng cần phải triệu tập ra phiên Toà nhằm tránh bỏ sót quyền lợi của họ nhưng những người này vắng mặt nên Hội đồng xét xử giải quyết theo quy định của pháp luật.

Sau khi cụ Trần Thị L chết vào năm 1991, cụ Trần Văn Q mới làm hồ sơ xin cấp giấy CNQSD đất và đã được UBND thị xã Hồng Lĩnh cấp giấy CNQSD đất số Đ 526995, ngày 30/9/2004 với diện tích 660m<sup>2</sup>. Ngày 18 tháng 10 năm 2004 cụ Trần Văn Q đã lập biên bản thoả thuận chuyển nhượng một phần thửa đất có diện tích 180m<sup>2</sup> cho con trai là ông Trần Ngọc S theo hình thức cha cho con và ông S đã được cấp giấy CNQSD đất số AB 236044 với diện tích 180m<sup>2</sup>. Ngày 29 tháng 3 năm 2017 cụ Trần Văn Q và 6 người con gồm Trần Thị M, Trần Ngọc S, Trần Thị H, Trần Văn H, Trần Thị V, Trần Thị Thanh H đã cùng nhau lập văn bản phân chia di sản của cụ Trần Thị L là thửa đất được cấp vào năm 1979 trên và chia cho ông Trần Văn H 181m<sup>2</sup> đất và ông H đã được cấp giấy CNQSD đất số CI 522672 có diện tích 181m<sup>2</sup> vào ngày 20 tháng 4 năm 2017. Đến ngày 11 tháng 4 năm 2017 ông H đã chuyển nhượng thửa đất này cho anh Hoàng Nam T và chị Lê Thị T và anh T chị T đã được cấp giấy CNQSD đất số CI 077800 ngày 11 tháng 4 năm 2017. Trong các biên bản lấy lời khai cũng như tại phiên toà các đồng thừa kế không có tranh chấp hay khiếu nại gì về phần đất cụ Q đã chia cho ông Trần Ngọc S và ông Trần Văn H.

Phần đất còn lại đã được cấp giấy CNQSD đất số CI 522761, ngày 20 tháng 4 năm 2017 mang tên cụ Trần Văn Q có diện tích 333,4 m<sup>2</sup>, trong đó đất ở 299m<sup>2</sup>, đất vườn trồng cây lâu năm 34,5m<sup>2</sup>. Nay các đồng thừa kế yêu cầu Toà án chia di sản thừa kế của cụ Trần Văn Q và cụ Trần Thị L để lại là ngôi nhà cấp 4 nằm trên diện tích đất 333,4 m<sup>2</sup> đã được cấp giấy CNQSD đất số CI 522761, ngày 20 tháng 4 năm 2017 cho 6 người con của cụ Q, cụ L gồm: Bà Trần Thị M, bà Trần Thị H, ông Trần Văn H, bà Trần Thị V, bà Trần Thị Thanh H, ông Trần Ngọc S. Hiện nay ông S đã chết nên phần của ông S thì vợ và con của ông S là bà Trần Thị S (vợ ông S), anh Trần Quốc D, anh Trần Hồng Q, anh Trần Huy H, chị Trần Thị Hà G (con ông S) được hưởng phần thừa kế của ông S.

Tại phiên toà lần thứ nhất ngày 08/3/2022 bà Trần Thị M nộp đơn cho Toà án xin rút yêu cầu chia di sản thừa kế của cụ Trần Văn Q và cụ Trần Thị L, đồng thời từ chối nhận di sản thừa kế và đề nghị chia phần của bà cho 5 người con còn lại của cụ Q. Hội đồng xét xử thấy việc bà M rút đơn yêu cầu chia di sản thừa kế của cụ Q, cụ L là hoàn toàn tự nguyện, không bị ai ép buộc nên áp dụng điểm c khoản 1 Điều 217 Bộ luật tố tụng dân sự đình chỉ yêu cầu về việc chia di sản thừa kế của bà Trần Thị M.

Từ những phân tích nhận định đánh giá như trên xác định được hàng thừa kế thứ nhất của cụ Q, cụ L hiện nay gồm có: bà Trần Thị H, ông Trần Văn H, bà Trần Thị V, bà Trần Thị Thanh H, ông Trần Ngọc S và bà Trần Thị M (bà Mai có đơn xin rút yêu cầu chia di sản thừa kế và từ chối nhận di sản). Hiện nay ông S đã chết nên phần di sản ông S khi còn sống được hưởng được thừa kế cho bà Trần Thị S (vợ ông S), anh Trần Quốc D, anh Trần Hồng Q, anh Trần Huy H, chị Trần Thị Hà G (các con ông S).

[5] *Về xem xét công sức đóng góp của đồng nguyên đơn, bị đơn và những người thừa kế quyền và nghĩa vụ của bị đơn.*

Trong quá trình giải quyết vụ án các đồng nguyên đơn trình bày di sản thừa kế trên không có ai có công quản lý, tôn tạo gì thêm. Toà án đã tiến hành lập biên bản xác minh tại UBND Phường N, thị xã Hồng Lĩnh vào ngày 08 tháng 02 năm 2002 đã xác định được: Sau khi ông Quý chết vào năm 2018 cho đến nay thì 6 người con của cụ Trần Văn Q và cụ Trần Thị L không có ai là người trực tiếp ở trên thửa đất, không có ai trực tiếp quản lý mà 6 người con này thỉnh thoảng đi qua, về lại hương khói cho bố mẹ và thửa đất vẫn nguyên trạng như lúc cụ Q còn sống, không có ai có công sức đóng góp tôn tạo gì thêm. Từ khi ông Q chết vào năm 2018 cho đến khi toà án thụ lý giải quyết vụ án đến ngày 31 tháng 12 năm 2021 thì con của cụ Q bà Trần Thị Thanh H mới đi nộp thuế nhà đất với số tiền 1.248.000 đồng và tại phiên Toà bà H cũng không có yêu cầu gì về số tiền nộp thuế nhà đất này nên miễn xét.

[6] *Về kỹ phần chia thừa kế:* Di sản thừa kế của cụ Trần Văn Q và cụ Trần Thị L để lại là 333,4 m<sup>2</sup> đất đã được cấp giấy CNQSD đất số CI 522761 vào ngày 20 tháng 4 năm 2017. Di sản thừa kế của cụ Quý để lại là ngôi nhà cấp 4 nằm trên thửa đất trên. Tại phiên Toà cũng như trong quá trình giải quyết vụ án các đồng nguyên đơn bà Trần Thị H, ông Trần Văn H, bà Trần Thị V, bà Trần Thị Thanh H đề nghị Toà án chia dọc thửa đất của cụ Quý, cụ Linh làm 5 phần, trong đó chia cho ông Trần Ngọc S một phần, còn 4 phần còn lại giao cho bà Trần Thị H, ông Trần Văn H, bà Trần Thị V, bà Trần Thị Thanh H quản lý, sử dụng chung. Xét yêu cầu của bà Trần Thị H, ông Trần Văn H, bà Trần Thị V, bà Trần Thị Thanh H về việc xin quản lý, sử dụng chung là phù hợp và đủ điều kiện về diện tích và các cạnh để cấp giấy CNQSD đất nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Trong quá trình giải quyết vụ án ông Trần Ngọc S khi còn sống cũng như những người kế thừa quyền và nghĩa vụ sau khi ông S chết không hợp tác nên Toà án không biết nguyện vọng của những người này về cách thức phân chia di sản thừa kế như thế nào. Tuy nhiên căn cứ vào các chứng cứ có tại hồ sơ thửa đất của cụ Q, cụ L để lại, phía Tây giáp với thửa đất của ông Trần Ngọc S và Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất chi nhánh Can Lộc - Hồng Lĩnh khẳng định nếu chia phần đất có diện tích khoảng 59,78m<sup>2</sup> cho những người thừa kế quyền và nghĩa vụ của ông S thì phần đất này đủ điều kiện để hợp thửa với thửa đất của ông S. Để bảo đảm quyền lợi ích cho phía bị đơn nên Hội đồng xét xử xem xét chia di sản là quyền sử dụng đất cho vợ ông S và các con của ông S quản lý sử dụng chung và đủ điều kiện xin hợp thửa với thửa đất của ông S là phù hợp quy định pháp luật.

Theo kết quả thẩm định xác định được trên thửa đất của cụ Q, cụ L có ngôi nhà cấp 4 liền kề nhà bếp. Hội đồng định giá ngôi nhà cấp 4 và nhà bếp liền kề được xây tường lợp ngói trị giá 40.000.000 đồng. Tại phiên Toà bà H, ông H đề nghị Toà án: Nếu ngôi nhà này nằm trên phần đất của đồng nguyên đơn thì giao cho đồng nguyên đơn sở hữu chung, còn nằm trên đất của phía bị đơn thì giao cho phía bị đơn sở hữu và không bên nào phải giao tiền chênh lệch cho bên nào. Hội đồng xét xử thấy rằng ngôi nhà này nằm trên phần đất được chia cho các đồng nguyên đơn có giá trị 40.000.000 đồng và không thể di dời được nên cần thiết phải giao cho các đồng nguyên đơn sở hữu chung và các đồng nguyên đơn phải đưa lại cho những người thừa kế quyền và nghĩa vụ của ông S số tiền 8.000.000 đồng.



[8] *Về án phí*: Căn cứ khoản 2 Điều 147 bộ luật tố tụng dân sự và điểm a, khoản 7 Điều 27 Nghị quyết 326/NQ-UBTVQH, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án: Đồng nguyên đơn và những người kế thừa quyền và nghĩa vụ của bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm tương ứng với tỷ phần giá trị tài sản mà mình được hưởng, cụ thể:

- Đồng nguyên đơn và người kế thừa quyền và nghĩa vụ của bị đơn được chia giá trị tài sản mỗi tỷ phần thừa kế là 217.723.660 đồng nên mỗi tỷ phần thừa kế phải chịu án phí tương ứng với số tiền 10.886.183 đồng

[9] *Về quyền kháng cáo*: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

***Vì các lẽ trên:***

### **QUYẾT ĐỊNH**

Áp dụng Điều 5, khoản 5 Điều 26, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Điều, điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 609, 610, 611, 612, 613, 614, 623, 649, 650, 651, 652, 688 Bộ luật dân sự 2015; Điều 100, 167, 179, 203 Luật đất đai 2013 xử:

1. Xác định thửa đất số 134, tờ bản đồ 47 ở tổ dân phố 7, Phường N, thị xã Hồng Lĩnh, tỉnh Hà Tĩnh có diện tích 333,4m<sup>2</sup> đất, trong đó đất ở 299m<sup>2</sup>, đất trồng cây lâu năm 34,5m<sup>2</sup> đã được UBND thị xã Hồng Lĩnh cấp giấy CNQSD đất số CI 522761, ngày 20 tháng 4 năm 2017 mang tên Trần Văn Q là di sản thừa kế của cụ Trần Văn Q và cụ Trần Thị L.

2. Xác định 01 ngôi nhà cấp 4 có diện tích 29,4m<sup>2</sup>, được xây bằng gạch táp lô, mái lợp ngói đỏ, có gia trát, không quét sơn và có nhà bếp liền kề nhà chính, xây gạch táp lô, có diện tích 6,6m<sup>2</sup> là di sản thừa kế của cụ Trần Văn Q.

3. Đình chỉ yêu cầu của bà Trần Thị M là đồng nguyên đơn trong vụ án về việc yêu cầu chia di sản thừa kế của cụ Trần Văn Q và cụ Trần Thị L.

4. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của các đồng nguyên đơn bà Trần Thị H, Trần Thị V, Trần Thị Thanh H và ông Trần Văn H về việc yêu cầu bị đơn ông Trần Ngọc S chia di sản thừa kế của cụ Trần Văn Q, cụ Trần Thị L và chấp nhận sự thỏa thuận của đồng nguyên đơn về việc xin sở hữu, quản lý, sử dụng chung di sản thừa kế của cụ Q, cụ L.

\* Chia cho bà Trần Thị H, Trần Thị V, Trần Thị Thanh H và ông Trần Văn H được sở hữu chung 01 ngôi nhà cấp 4 có diện tích 29,4m<sup>2</sup>, được xây bằng gạch táp lô, mái lợp ngói đỏ, có gia trát, không quét sơn và có nhà bếp liền kề nhà chính, xây gạch táp lô, có diện tích 6,6m<sup>2</sup> trị giá 40.000.000 đồng nằm trên diện tích đất 266,7m<sup>2</sup>, trong đó đất trồng cây lâu năm 27,6m<sup>2</sup>, đất ở 239,1m<sup>2</sup>. Đất ở, đất trồng cây lâu năm trị giá 838.894.640 đồng ở tại tổ dân phố 7, Phường N, thị xã Hồng Lĩnh, tỉnh Hà Tĩnh. Nhà và đất trị giá 878.894.640 đồng. (Nhà giao sở hữu chung, đất giao quản lý sử dụng chung) nhưng bà Trần Thị H, Trần Thị V, Trần Thị Thanh H và ông Trần Văn H phải liên đới

giao lại cho những người thừa kế quyền và nghĩa vụ của ông Trần Ngọc S là bà Trần Thị S, anh Trần Quốc D, anh Trần Hồng Q, anh Trần Huy H, chị Trần Thị Hà G số tiền 8.000.000 đồng. Thửa đất chia cho bà Trần Thị H, Trần Thị V, Trần Thị Thanh H và ông Trần Văn H quản lý sử dụng chung có ranh giới tứ cận như sau:

+ Phía Nam giáp đường Nguyễn Thiếp dài 8,34m.

+ Phía Bắc giáp đường nhựa dài 9,22m.

+ Phía Đông giáp đất anh Trung, chị Tuyết dài 30,34m.

+ Phía Tây giáp đất được chia cho bà Sen, anh D, anh Q, anh H, chị G dài 30,72m.

\* Chia cho những người kế thừa quyền và nghĩa vụ của ông Trần Ngọc S là bà Trần Thị Sen, anh Trần Quốc D, anh Trần Hồng Q, anh Trần Huy H, chị Trần Thị Hà G quản lý và sử dụng chung 66,7m<sup>2</sup> đất, trong đó đất ở 59,8m<sup>2</sup>, đất trồng cây lâu năm 6,9m<sup>2</sup>. Đất ở và đất trồng cây lâu năm trị giá 209.723.660 đồng ở tại tổ dân phố 7, Phường N, thị xã Hồng Lĩnh, tỉnh Hà Tĩnh và bà Trần Thị S, anh Trần Quốc D, anh Trần Hồng Q, anh Trần Huy H, chị Trần Thị Hà G được nhận lại số tiền 8.000.000 đồng do bà Trần Thị H, Trần Thị V, Trần Thị Thanh H và ông Trần Văn H liên đới giao lại.

Thửa đất chia cho những người kế thừa quyền và nghĩa vụ của ông Trần Ngọc S là bà Trần Thị S, anh Trần Quốc D, anh Trần Hồng Q, anh Trần Huy H, chị Trần Thị Hà G quản lý và sử dụng chung có ranh giới tứ cận như sau:

+ Phía Nam giáp đường Nguyễn Thiếp dài 2,16m.

+ Phía Bắc giáp đường nhựa dài 2, 2m.

+ Phía Đông giáp đất được chia cho bà Trần Thị H, Trần Thị V, Trần Thị Thanh H và ông Trần Văn H dài 30,72m.

+ Phía Tây giáp đất ông Sỹ dài 30,8m.

- Các đương sự có quyền và nghĩa vụ liên hệ cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục đăng ký quyền sử dụng đất theo quy định pháp luật.

- Phần đất giao cho các thừa kế quản lý, sử dụng có sơ đồ kèm theo là một phần không tách rời bản án.

*Trường hợp bản án có hiệu lực pháp luật được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án và người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án; yêu cầu người phải thi hành án tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

5. Về án phí: Áp dụng Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm b khoản 1 Điều 3, Điều 6, điểm b khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 7 điều 27 Nghị quyết 326/NQ-UBTVQH, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án, xử:

- Bà Trần Thị H, Trần Thị V, Trần Thị Thanh H và ông Trần Văn H mỗi người phải nộp 10.886.183 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ mỗi người

300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo các biên lai thu tiền số: 0001443, 0001445, 0001446, 0001447, vào ngày 10 tháng 08 năm 2021 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Hồng Lĩnh, tỉnh Hà Tĩnh. Nay bà Trần Thị H, Trần Thị V, Trần Thị Thanh H và ông Trần Văn H mỗi người phải nộp tiếp số tiền 10.586.183 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

- Những người kế thừa quyền và nghĩa vụ của ông Trần Ngọc S gồm bà Trần Thị Sen, anh Trần Quốc D, anh Trần Hồng Q, anh Trần Huy H, chị Trần Thị Hà G phải liên đới nộp số tiền nộp 10.886.183 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm. (mỗi người phải nộp 2.177.236 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm).

- Trả lại cho Bà Trần Thị M 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm bà Mai đã nộp tại biên lai thu tiền số: 0001444 ngày 10 tháng 8 năm 2021 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Hồng Lĩnh, tỉnh Hà Tĩnh.

4. *Về quyền kháng cáo:* Các đồng nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bà Trần Thị M, những người thừa kế quyền và nghĩa vụ của bị đơn ông Trần Ngọc S, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Hà Tĩnh;
- VKSND tỉnh Hà Tĩnh;
- VKSND TX Hồng Lĩnh;
- Chi cục THADS Thị xã Hồng Lĩnh;
- UBND Thị xã Hồng Lĩnh;
- VP ĐKQSDĐ chi nhánh Hồng Lĩnh;
- UBND Phường N;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Phạm Đức Quang**